

Số 1339-TB/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2021

Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy Học viện Báo chí và Tuyên truyền thông báo về chỉ tiêu, ngành xét tuyển và các điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển, cụ thể như sau:

1. Các chương trình đào tạo:

1.1. Nhóm 1: ngành Báo chí, gồm các chuyên ngành: Báo in; Ảnh báo chí; Báo phát thanh; Báo truyền hình (hệ chuẩn); Quay phim truyền hình; Báo mạng điện tử (hệ chuẩn); Báo truyền hình (chất lượng cao); Báo mạng điện tử (chất lượng cao).

1.2. Nhóm 2: gồm các ngành:

- Ngành Triết học.
- Ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Ngành Kinh tế chính trị.
- Ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, gồm 2 chuyên ngành: Công tác tổ chức, Công tác dân vận.

- Ngành Chính trị học, gồm 6 chuyên ngành: Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa; Chính trị phát triển; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Văn hóa phát triển; Chính sách công; Truyền thông chính sách.

- Ngành Quản lý công.

- Ngành Quản lý nhà nước, gồm 2 chuyên ngành: Quản lý xã hội, Quản lý hành chính nhà nước.

- Ngành Kinh tế, gồm 3 chuyên ngành: Quản lý kinh tế; Kinh tế và Quản lý (chất lượng cao); Kinh tế và Quản lý (hệ chuẩn).

- Ngành Công tác xã hội.

- Ngành Xã hội học.

- Ngành Xuất bản, gồm 2 chuyên ngành: Biên tập xuất bản, Xuất bản điện tử.

- Ngành Truyền thông đại chúng.

- Ngành Truyền thông đa phương tiện.

1.3. Nhóm 3: Ngành Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.



1.4. Nhóm 4:

- Ngành Quan hệ quốc tế, gồm 3 chuyên ngành: Thông tin đối ngoại; Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế; Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu (chất lượng cao).

- Ngành Quan hệ công chúng, gồm 2 chuyên ngành: Quan hệ công chúng chuyên nghiệp; Truyền thông marketing (chất lượng cao).

- Ngành Quảng cáo.

- Ngành Ngôn ngữ Anh.

- Ngành Truyền thông quốc tế.

2. Phương thức tuyển sinh

2.1. Xét học bạ (tối đa 30% chỉ tiêu):

- Ngành Báo chí: Điểm xét tuyển = $(A + B*2)/3$ + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Các ngành nhóm 2: Điểm xét tuyển = A + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Nhóm 3 ngành Lịch sử: Điểm xét tuyển = $(A + C*2)/3$ + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Các ngành nhóm 4: Điểm xét tuyển = $(A + D*2)/3$ + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

Trong đó:

A = Điểm TBC 5 học kỳ THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

B = Điểm thi Năng khiếu Báo chí tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

C = Điểm TBC 5 học kỳ môn Lịch sử THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

D = Điểm TBC 5 học kỳ môn Tiếng Anh THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

2.2. Xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT (tối đa 70% chỉ tiêu):

Nhóm ngành	Môn bắt buộc	Môn tự chọn (chọn 1 trong các bài thi/môn thi dưới đây)
1	Ngữ văn + NĂNG KHIẾU BÁO CHÍ (hệ số 2)	Toán, Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội
2	Ngữ văn + Toán	Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh, Khoa học xã hội
3	Ngữ văn + LỊCH SỬ (hệ số 2)	Toán, Tiếng Anh, Giáo dục công dân, Địa lý

4	Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2)	Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội
---	----------------------------------	--

Điểm xét tuyển được xác định theo chuyên ngành dựa trên tổng điểm các môn thi quy định cho từng nhóm ngành xếp từ cao xuống thấp.

- Đối với các ngành/chuyên ngành thuộc nhóm 2 không có môn nhân hệ số: Điểm xét tuyển (thang điểm 30) được xác định như sau:

Điểm xét tuyển (*làm tròn đến 2 chữ số thập phân*) = Tổng điểm ba môn thi theo tổ hợp đã đăng ký + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Đối với các ngành/chuyên ngành thuộc nhóm 1 có môn Năng khiếu báo chí, nhóm 3 có môn Lịch sử và nhóm 4 có môn tiếng Anh nhân hệ số 2: Điểm xét tuyển (thang điểm 40) được xác định như sau:

Điểm xét tuyển (*làm tròn đến 2 chữ số thập phân*) = Tổng điểm ba môn thi sau khi đã nhân hệ số theo tổ hợp đã đăng ký + Điểm ưu tiên /khuyến khích x 4/3 (nếu có)

2.3. Xét tuyển kết hợp (tối đa 20% chỉ tiêu) đối với thí sinh có chứng chỉ quốc tế môn Tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, học lực Khá, hạnh kiểm Tốt cả 5 học kỳ bậc THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12). Thí sinh xét tuyển các chương trình Báo chí phải dự thi môn Năng khiếu báo chí và đạt điểm từ 5.0 trở lên mới được xét tuyển thẳng.

2.4. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (không hạn chế chỉ tiêu):

2.4.1. Xét tuyển thẳng

* Đối tượng xét tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học.

b) Người đã trúng tuyển vào Học viện Báo chí và Tuyên truyền, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được tuyển thẳng có nguyện vọng, Học

viện sẽ xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức.

c) Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp trung học phổ thông được tuyển thẳng vào Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh.

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp trung học, được tuyển thẳng vào Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo đúng ngành hoặc ngành gần của môn mà thí sinh đã đoạt giải.

đ) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Giám đốc Học viện căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học.

e) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Học viện: Giám đốc Học viện căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học.

g) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Giám đốc Học viện quy định. Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng này không đăng ký xét tuyển vào các ngành Báo chí, Truyền thông quốc tế, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng,

Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Quan hệ quốc tế, Ngôn ngữ Anh, các chương trình chất lượng cao.

* Chỉ tiêu xét tuyển thẳng

Tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia không hạn chế số lượng cho các ngành sau:

- Ngành Báo chí, Truyền thông đại chúng, Truyền thông đa phương tiện, Xuất bản: Tuyển thí sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia môn Ngữ văn;

- Ngành Lịch sử, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: Tuyển thí sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia môn Lịch sử;

- Ngành Ngôn ngữ Anh, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Quan hệ quốc tế, Truyền thông quốc tế, các chương trình chất lượng cao: Kinh tế và Quản lý, Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu, Truyền thông marketing, Báo truyền hình chất lượng cao, Báo mạng điện tử chất lượng cao: Tuyển thí sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia môn tiếng Anh;

- Ngành Triết học, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Quản lý công, Quản lý nhà nước: Xét tuyển thẳng thí sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia môn Toán.

2.4.2. Ưu tiên xét tuyển

* Đối tượng ưu tiên xét tuyển

- Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học, nếu có kết quả thi tốt nghiệp THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Học viện.

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thí sinh đoạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia đã tốt nghiệp THPT được ưu tiên xét tuyển theo ngành phù hợp với môn thi và nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

- Thí sinh đăng ký diện ưu tiên xét tuyển ngành Báo chí phải tham dự kỳ thi Năng khiếu báo chí và đạt điểm 5,0 trở lên (theo thang điểm 10).

* Chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển: Không hạn chế.

Kết quả xét tuyển thẳng sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được gửi cho các Sở Giáo dục và Đào tạo để thông báo cho thí sinh và được thông báo trên Cổng thông tin điện tử Học viện <http://ajc.hcma.vn/>.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh, mã ngành/chuyên ngành và tổ hợp bài thi/môn thi xét tuyển:

3.1. Đối với những ngành/chuyên ngành sử dụng kết quả thi THPT môn tiếng Anh

TT	Ngành học	Mã ngành	Mã chuyên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp bài thi/môn thi xét tuyển
1	Báo chí, chuyên ngành Báo in		602	50	- Ngữ văn, NĂNG KHIẾU BÁO CHÍ , Toán (R15)
2	Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh		604	50	- Ngữ văn, NĂNG KHIẾU BÁO CHÍ , Tiếng Anh (R05)
3	Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình		605	50	- Ngữ văn, NĂNG KHIẾU BÁO CHÍ , Khoa học tự nhiên (R06)
4	Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử		607	50	- Ngữ văn, NĂNG KHIẾU BÁO CHÍ , Khoa học xã hội (R16)
5	Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình chất lượng cao		608	40	- Ngữ văn, NĂNG KHIẾU ẢNH BÁO CHÍ , Toán (R07)
6	Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử chất lượng cao		609	40	- Ngữ văn, NĂNG KHIẾU ẢNH BÁO CHÍ , Tiếng Anh (R08)
7	Báo chí, chuyên ngành Ảnh báo chí		603	40	- Ngữ văn, NĂNG KHIẾU ẢNH BÁO CHÍ , Khoa học tự nhiên (R09)
					- Ngữ văn, NĂNG KHIẾU ẢNH BÁO CHÍ , Khoa học xã hội (R17)

8	Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình		606	40	- Ngữ văn, NĂNG KHIẾU QUAY PHIM TRUYỀN HÌNH , Toán (R11) - Ngữ văn, NĂNG KHIẾU QUAY PHIM TRUYỀN HÌNH , Tiếng Anh (R12) - Ngữ văn, NĂNG KHIẾU QUAY PHIM TRUYỀN HÌNH , Khoa học tự nhiên (R13) - Ngữ văn, NĂNG KHIẾU QUAY PHIM TRUYỀN HÌNH , Khoa học xã hội (R18)
9	Truyền thông đại chúng	7320105		100	Nhóm 2: - Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội (C15) - Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên (A16) - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)
10	Truyền thông đa phương tiện	7320104		50	
11	Triết học	7229001		40	
12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008		40	
13	Kinh tế chính trị	7310102		40	
14	Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế		527	60	
15	Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý (chất lượng cao)		528	40	
16	Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý		529	50	
17	Chính trị học, chuyên ngành Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa		530	50	

18	Chính trị học, chuyên ngành Chính trị phát triển		531	50
19	Chính trị học, chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh		533	40
20	Chính trị học, chuyên ngành Văn hóa phát triển		535	50
21	Chính trị học, chuyên ngành Chính sách công		536	40
22	Chính trị học, chuyên ngành Truyền thông chính sách		538	50
23	Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý xã hội		532	50
24	Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý hành chính nhà nước		537	50
25	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, chuyên ngành Công tác tổ chức		522	45
26	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, chuyên ngành Công tác dân vận		523	45
27	Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản		801	50
28	Xuất bản, chuyên ngành Xuất bản điện tử		802	50
29	Xã hội học	7310301		50
30	Công tác xã hội	7760101		50
31	Quản lý công	7340403		50

32	Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7229010		40	Nhóm 3: - Ngữ văn, LỊCH SỬ , Địa lý (C00) - Ngữ văn, LỊCH SỬ , Toán (C03) - Ngữ văn, LỊCH SỬ , Tiếng Anh (D14) - Ngữ văn, LỊCH SỬ , Giáo dục công dân (C19)
33	Truyền thông quốc tế	7320107		50	Nhóm 4: - TIẾNG ANH , Ngữ văn, Toán (D01) - TIẾNG ANH , Ngữ văn, Khoa học tự nhiên (D72) - TIẾNG ANH , Ngữ văn, Khoa học xã hội (D78)
34	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Thông tin đối ngoại		610	50	
35	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế		611	50	
36	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu (chất lượng cao)		614	40	
37	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp		615	50	
38	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông marketing (chất lượng cao)		616	80	
39	Quảng cáo	7320110		40	
40	Ngôn ngữ Anh	7220201		50	

3.2. Mã chuyên ngành và mã tổ hợp bài thi/môn thi có điểm môn Tiếng Anh được quy đổi từ các chứng chỉ quốc tế

TT	Ngành học	Mã ngành	Mã chuyên ngành	Tổ hợp bài thi/môn thi xét tuyển
1	Báo chí, chuyên ngành Báo in		602M	Ngữ văn, NĂNG KHIẾU BÁO CHÍ , Chứng chỉ tiếng Anh quy đổi điểm (R19)
2	Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh		604M	
3	Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình		605M	
4	Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử		607M	
5	Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình chất lượng cao		608M	
6	Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử chất lượng cao		609M	
7	Báo chí, chuyên ngành Ảnh báo chí		603M	Ngữ văn, NĂNG KHIẾU ẢNH BÁO CHÍ , Chứng chỉ tiếng Anh quy đổi điểm (R20)
8	Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình		606M	Ngữ văn, NĂNG KHIẾU QUAY PHIM TRUYỀN HÌNH , Chứng chỉ tiếng Anh quy đổi điểm (R21)
9	Truyền thông đại chúng	7320105M		Ngữ văn, Toán, Chứng chỉ tiếng Anh quy đổi điểm (R22)
10	Truyền thông đa phương tiện	7320104M		
11	Triết học	7229001M		
12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008M		
13	Kinh tế chính trị	7310102M		
14	Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế		527M	
15	Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý (chất lượng cao)		528M	

16	Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý		529M
17	Chính trị học, chuyên ngành Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa		530M
18	Chính trị học, chuyên ngành Chính trị phát triển		531M
19	Chính trị học, chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh		533M
20	Chính trị học, chuyên ngành Văn hóa phát triển		535M
21	Chính trị học, chuyên ngành Chính sách công		536M
22	Chính trị học, chuyên ngành Truyền thông chính sách		538M
23	Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý xã hội		532M
24	Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý hành chính nhà nước		537M
25	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, chuyên ngành Công tác tổ chức		522M
26	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, chuyên ngành Công tác dân vận		523M
27	Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản		801M
28	Xuất bản, chuyên ngành Xuất bản điện tử		802M
29	Xã hội học	7310301M	
30	Công tác xã hội	7760101M	
31	Quản lý công	7340403M	
32	Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7229010M	Ngữ văn, LỊCH SỬ , Chứng chỉ tiếng Anh quy đổi điểm (R23)

33	Truyền thông quốc tế	7320107M		
34	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Thông tin đối ngoại		610M	
35	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế		611M	- CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUI ĐỔI ĐIỂM,
36	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu (chất lượng cao)		614M	Ngữ văn, Toán (R24) - CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUI ĐỔI ĐIỂM,
37	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp		615M	Ngữ văn, Khoa học tự nhiên (R25) - CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUI ĐỔI ĐIỂM,
38	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông marketing (chất lượng cao)		616M	Ngữ văn, Khoa học xã hội (R26)-

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

Thí sinh cần thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng học kỳ của 5 học kỳ bậc THPT đạt 6,0 trở lên (không tính học kỳ II năm lớp 12);

- Hạnh kiểm 5 học kỳ THPT xếp loại Khá trở lên (không tính học kỳ II năm lớp 12);

Thí sinh chịu trách nhiệm về điều kiện nộp hồ sơ (học lực, hạnh kiểm) theo quy định của Học viện. Trong trường hợp thí sinh đạt điểm xét tuyển nhưng không đáp ứng yêu cầu về điều kiện nộp hồ sơ, Học viện không công nhận trúng tuyển.

- Thí sinh dự thi các chuyên ngành đào tạo giảng viên lý luận chính trị (Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình.

- Thí sinh dự thi chuyên ngành Quay phim truyền hình phải có sức khỏe tốt, không mắc các bệnh, dị tật về mắt, ngoại hình phù hợp (nam cao 1m65, nữ cao 1m60 trở lên).

Sau khi trúng tuyển, nhà trường sẽ tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên. Sinh viên trúng tuyển nếu không đáp ứng các quy định nêu trên sẽ được chuyển sang ngành khác của Học viện có điểm trúng tuyển tương đương.

5. Chính sách ưu tiên:

5.1. Đối với thí sinh có chứng chỉ quốc tế môn Tiếng Anh

Mức quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế môn Tiếng Anh để xét tuyển, cộng điểm khuyến khích cụ thể như sau:

TT	Mức điểm chứng chỉ tiếng Anh			Điểm quy đổi để xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	Điểm khuyến khích xét theo học bạ (cộng vào điểm tổng)
	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS		
1	485-499	35-45	5.0	7,0	0,1
2	500-542	46-59	5.5	8,0	0,2
3	543-560	60-78	6.0	9,0	0,3
4	561-589	79-93	6.5	10,0	0,4
5	≥ 590	≥ 94	≥ 7.0	10,0	0,5

Thí sinh có các chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP và TOEFL iBT (do tổ chức Educational Testing Service cấp) và chứng chỉ IELTS (do tổ chức British Council hoặc International Development Program cấp) còn hiệu lực đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển đại học cần nộp bản sao công chứng chứng chỉ TOEFL ITP/TOEFL iBT/IELTS về Học viện để xét quy đổi điểm tuyển sinh.

5.2. Điểm ưu tiên theo đối tượng, khu vực

Loại ưu tiên	Đối với thí sinh xét học bạ	Đối với thí sinh xét kết quả tốt nghiệp THPT
<i>Ưu tiên theo đối tượng</i>		Thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Bộ Giáo
Nhóm ưu tiên 1: đối tượng 01, 02, 03, 04	0,1	
Nhóm ưu tiên 2: đối tượng 05, 06, 07	0,05	

<i>Ưu tiên theo khu vực</i>		dục và Đào tạo
KV1	0,15	
KV2NT	0,1	
KV2	0,05	

5.3. Điểm khuyến khích (sử dụng cho phương thức xét học bạ)

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn văn hóa: 0,3 điểm.

- Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa: 0,2 điểm.

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa: 0,1 điểm.

5.4. Xét tuyển thí sinh dự bị dân tộc vào ngành Báo chí

Thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học tại các trường dự bị dân tộc có nguyện vọng dự tuyển ngành Báo chí phải tham dự kỳ thi Năng khiếu báo chí do Học viện tổ chức. Điểm xét tuyển đối với các thí sinh này được xác định căn cứ vào điểm trung bình chung học bạ THPT kết hợp với điểm thi môn Năng khiếu báo chí.

6. Tổ chức tuyển sinh:

6.1. Thời hạn nhận hồ sơ

* Đối với thí sinh xét tuyển căn cứ kết quả thi THPT: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* Nhận hồ sơ đăng ký dự thi Năng khiếu báo chí, xét quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế môn Tiếng Anh, xét tuyển theo học bạ: từ ngày 01/4 đến hết ngày 20/6/2021.

6.2. Thi môn Năng khiếu báo chí: dự kiến ngày 10, 11/7/2021.

6.3. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lệ phí thi tuyển ngành Báo chí: 300.000^d/hồ sơ.

Thí sinh đăng ký 02 bài thi Năng khiếu báo chí: 500.000^d/hồ sơ.

Thí sinh đăng ký 03 bài thi Năng khiếu báo chí: 700.000^d/hồ sơ.

7. Tiêu chí phụ xét trúng tuyển

Trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau cuối danh sách sẽ tổ chức xét tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

** Đối với ngành Báo chí:*

- Ưu tiên thí sinh có điểm thi Năng khiếu báo chí/Năng khiếu Ảnh báo chí/Năng khiếu Quay phim truyền hình cao hơn;

- Ưu tiên thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn cao hơn (hoặc điểm TBC môn Ngữ văn 5 học kỳ bậc THPT cao hơn, không tính điểm học kỳ II năm lớp 12 - với thí sinh xét tuyển theo học bạ THPT).

** Đối với các ngành có môn chính nhân hệ số thuộc nhóm 3, nhóm 4:* Ưu tiên thí sinh có tổng điểm gốc 3 môn chưa nhân hệ số, chưa cộng điểm ưu tiên, chưa cộng điểm khuyến khích, chưa làm tròn cao hơn (điểm TBC 5 học kỳ bậc THPT cao hơn, không tính điểm học kỳ II năm lớp 12 - đối với thí sinh xét tuyển theo học bạ THPT).

** Đối với các ngành/chuyên ngành còn lại:* Ưu tiên thí sinh có kết quả thi THPT môn Toán cao hơn (điểm TBC môn Toán 5 học kỳ bậc THPT cao hơn, không tính điểm học kỳ II năm lớp 12 - đối với thí sinh xét tuyển theo học bạ THPT).

8. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy năm 2021

- Các ngành đào tạo giảng viên lý luận chính trị (Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) được miễn học phí.

- Hệ đại trà: 276.000đ/tín chỉ (chương trình toàn khóa 143 tín chỉ).

- Hệ chất lượng cao: 771.200đ/tín chỉ (tạm tính - chưa bao gồm 13 tín chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

Lộ trình tăng học phí cho từng năm là tối đa 10%.

9. Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển/xét tuyển đại học năm 2021 (*theo mẫu*);

- 01 bản photo học bạ THPT (5 học kỳ bậc THPT, không tính điểm học kỳ II năm lớp 12);

- 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ thí sinh;

- 03 ảnh 3x4 (không nhận cỡ ảnh khác).

10. Phương thức nộp hồ sơ

Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Báo chí **bắt buộc** phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Học viện Báo chí và Tuyên truyền trên hệ thống thi THPT (đăng ký tại các trường THPT), đồng thời nộp hồ sơ ĐKXT và dự thi Năng khiếu báo chí tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Thí sinh nào chỉ đăng ký

nguyện vọng vào ngành Báo chí trên hệ thống thi PTTH, nhưng không nộp hồ sơ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền sẽ không được dự thi môn Năng khiếu Báo chí.

Thí sinh nộp hồ sơ và lệ phí xét tuyển theo 01 trong 02 cách sau:

Cách 1. Nộp trực tiếp tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Cách 2. Nộp chuyển phát nhanh, chuyển phát ưu tiên theo đường bưu điện, ngoài phong bì ghi rõ: “Hồ sơ đăng ký xét tuyển đại học năm 2021”. Thời gian gửi hồ sơ của thí sinh được tính theo dấu bưu điện.

Lưu ý: Thí sinh nộp hồ sơ qua đường bưu điện có thể nộp lệ phí thi qua bưu điện (nộp lại hóa đơn cho Học viện vào ngày làm thủ tục dự thi) hoặc nộp trực tiếp tại Học viện vào ngày tiếp sinh.

Địa chỉ nộp hồ sơ trực tiếp và nhận hồ sơ qua đường bưu điện:

Ban Quản lý Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 0243.754.6963 (máy lẻ 307).

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Học viện CTQG HCM,
- Các Sở GD&ĐT,
- Lưu VT, ĐT.

Q. GIÁM ĐỐC, CHỦ TỊCH HĐTS



Lưu Văn An